

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2018/HSST**
Ngày 08-05-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lục Kim Thanh;

Ông Nguyễn Hoàng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mên – Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2018/TLST - HSST ngày 15 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương A, sinh năm 1985 tại tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã M, huyện X, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Số 227, đường Cách Mạng Tháng 8, khu phố 4, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Dán keo xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Trương T, sinh năm 1941 và bà Đặng R, sinh năm 1946; bị cáo có vợ tên Trần C, sinh năm 1988 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/5/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 3 năm tù về tội: “Lưu hành tiền giả” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2012/HSST; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2017, chuyển tạm giam từ ngày 27/12/2017 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn V, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn X, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần C, sinh năm 1988; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã M, huyện X, tỉnh Thái Bình; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Số 227, đường Cách Mạng Tháng 8, khu phố 4, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Anh Hứa B, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 304, tổ 69, khu phố 8, phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh Vũ X, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 35A, đường B, tổ 91, khu 14, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2017, tại Công viên Đ thuộc phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương, Trương A mua của đối tượng tên C (không rõ họ tên, địa chỉ) 2.000.000 đồng tiền giả có mệnh giá 200.000 đồng cùng số sê ri GF 42613374 với giá là 1.000.000 đồng, mục đích dùng tiền giả đi mua hàng hóa có giá trị thấp để được hoàn trả tiền thừa có giá trị thật và A sử dụng tiền thật có được để tiêu xài. Sau khi mua tiền giả xong, A đem về nhà tại địa chỉ số 227, đường Cách Mạng Tháng 8, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương cất giấu.

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 18/12/2017, A điều khiển xe mô tô biển số 61B1 -092.23 đem theo 1.653.000 đồng tiền thật, 2.000.000 đồng tiền giả để đi tiêu thụ. A đi hướng từ địa chỉ số 227, đường Cách mạng Tháng 8, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương về xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương, trên đường đi, A dùng 70.000 đồng tiền thật để mua 01 bịch cá và A đã dùng tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có cùng số sê ri GF 42613374 để mua hàng hóa giá trị thấp cụ thể như sau:

Lần 1: Tại khu vực phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương, A dùng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng mua 01 con dao của người bán hàng không rõ họ tên, địa chỉ với giá 37.000 đồng, A được hoàn lại tiền thừa 163.000 đồng, là tiền thật.

Lần 2: Tại khu vực phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương, A dùng tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng mua 01 bó rau cải, 01 trái thơm của người bán hàng không rõ họ tên, địa chỉ với giá 32.000 đồng, A được hoàn lại tiền thừa 168.000 đồng, là tiền thật.

Lần 3: Tại khu vực cầu C thuộc xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương, A dùng tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng mua 30.000 đồng thịt heo của người bán hàng không rõ họ tên, địa chỉ, A được hoàn lại tiền thừa 170.000 đồng, là tiền thật.

Lần 4: Tại khu vực ngã tư T, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương, A dùng tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng mua 25.000 đồng thịt heo của anh Nguyễn X, An được anh X hoàn lại tiền thừa 175.000 đồng, là tiền thật.

Lần 5: Tại khu vực xã A, thị xã Ct, tỉnh Bình Dương, A dùng tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng mua 01 bịch phở của anh Nguyễn V với giá 20.000 đồng, A được anh V hoàn lại tiền thừa 180.000 đồng, là tiền thật. Tại lần mua này, A bị Công an xã T, thị xã C phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tang vật thu giữ khi bị bắt quả tang và trong quá trình điều tra gồm:

- Thu giữ của bị cáo: 01 xe mô tô 02 bánh hiệu Honda Wave Alpha màu đen, biển số 61B1 -09223; 01 Điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số sim 01229104653, tình trạng điện thoại đã cũ; 01 cái bóp da màu nâu có chữ Audi đã cũ; 01 Balo màu đen hiệu The North Face; 02 cục thịt heo; 03 con cá biển và 01 bịch cá; 01 bịch phở; 01 bó rau cải; 01 trái thơm; 01 con dao; 01 chứng minh nhân dân số 151461415 do Công an tỉnh Thái Bình cấp cho bị cáo A ngày 19/6/2000; 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có cùng số sê ri GF42613374; 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số sê ri: CP09808464; IX11017488; YQ14659112; KY10341966; TQ10814773; 06 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số sê ri: CB08613736; MD13319070; MO13283996; QK15738288; KJ 10153978; MZ12664892; 05 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có số sê ri: NL14934965, RA14439110, RC03885836, PE14446313, LK11303069; 08 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, có số sê ri BR16278547, CN14828724, CS14142217, GK14570996, IQ16652844, RI16935554, RU14009978, FQ14273577; 39 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, có số sê ri: UR06201533, NP07493996, MR07119596, SL13993535, QT06054640, OO14888392, RF09222499, GS10790017, PN10945311, RM10555872, LN10133128, AM09150282, XJ15843335, SA10284718, SL140803380, EL08237127, XE15991838, YK11705525, AL13129608, FS17507314, HL17893464, ZO 06761182, ZE15854889, UJ08973806, KP13810172, OA17862052, JM14144945, IT14216788, SG17516794, PU14769091, FT08201205, BF08536043, LX11687434, CI06758268, IT14212199, KC07290678, JT13538578, VH15058557, XF15370658; 05 tờ tiền mệnh giá 5000 đồng có số sê ri: CY5911217, EW2117079, EE3171669, KK0390011, CY3234492; 06 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng có số sê ri: UD7017710; WI9121168, SR0837180, KC 3141667, SH4602899, LQ4526534; 02 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng có số sê ri: VH1217841, SC1559340.

- Thu giữ của người bị hại ông Nguyễn X, ông V mỗi người 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng cùng số sê ri GF42613374.

- Thu giữ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bình Dương 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có cùng số sê ri GF42613374.

02 tờ tiền còn lại mệnh giá 200.000 đồng có số sê ri GF42613374 trong quá trình đi tiêu thụ, bị cáo đã đánh rơi.

Tại Kết luận giám định số 478/GĐ-PC54 ngày 25/12/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận:

- Bảy mươi sáu (76) tờ tiền cotton và polymer Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 1000^d, 2000^d, 5000^d, 10000^d, 20000^d, 50000^d, 100000^d và 200000^d trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A76) là tiền thật.

- Năm (05) tờ tiền polymer Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 200000^d, cùng số sê ri: GF42613374 (ký hiệu từ A77 đến A81) là tiền giả.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 25/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, kết luận: Trị giá xe mô tô biển số 61B1 – 092.23, nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh 97, số loại Wave Alpha, màu sơn: Đen bạc, số khung RLHHC120XBY139327, số máy: HC12E – 2939444 là 6.667.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 09/CT – VKSBD – P1 ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, phân công Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trương A về tội: “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo A đủ yếu tố cấu thành tội: “Lưu hành tiền giả” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt Trương A từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Trương A có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn X, ông Nguyễn V mỗi người 200.000 đồng.

- Trả cho bị cáo Trương A: 01 chứng minh nhân dân số 151461415 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 19/6/2000; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số sim 01229104653; 01 balo màu đen hiệu The North Face; số tiền 1.538.000 đồng, nhưng tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 501.000 đồng; ½ giá trị xe mô tô biển số 61B1 – 092.23, nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh 97, số loại Wave Alpha, màu sơn: Đen bạc, số khung RLHHC120XBY139327, số máy: HC12E – 2939444.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 cái bóp da màu nâu có chữ Audi (đã cũ); 01 con dao; 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có cùng số sê ri GF42613374.

Trong quá trình điều tra; tại phiên tòa sơ thẩm; đơn yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự ngày 25/4/2018 của ông Nguyễn V, Nguyễn X, thể hiện:

Bị cáo A đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên. Người bị hại ông Nguyễn V, ông Nguyễn X yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi

phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, ông Nguyễn V yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 180.000 đồng, trị giá 01 bịch phở 20.000 đồng, tổng cộng 200.000 đồng; ông Nguyễn X yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 175.000 đồng, trị giá cân thịt heo 25.000 đồng, tổng cộng 200.000 đồng; bị cáo đồng ý trả số tiền nêu trên cho ông V, ông X; chị C tự nguyện nộp số tiền 3.333.500 đồng – trị giá $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô biển số 61B1 – 092.23, để được nhận lại chiếc xe. Đối với Kết luận giám định số 478/GĐ-PC54 ngày 25/12/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương, Kết luận định giá tài sản ngày 25/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội trở lại xã hội, lao động và thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã C, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện:

Tại phiên tòa, bị cáo Trương A khai nhận: Trong ngày 18/12/2017, tại khu vực phường A, thành phố M, tỉnh Bình Dương và tại khu vực xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã sử dụng 05 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có cùng số sê ri GF42613374 để mua nhiều loại hàng hóa có giá trị thấp và nhận tiền thừa lại là tiền thật, trong đó: Bị cáo dùng 03 tờ tiền giả mua hàng hóa của 03 người bán hàng không rõ họ tên, địa chỉ và bị cáo được hoàn lại tiền thừa 501.000 đồng là tiền thật, dùng 02 tờ tiền giả mua hàng hóa của ông Nguyễn X, ông Nguyễn V và bị cáo được ông X, ông V hoàn lại tiền thừa 355.000 đồng là tiền thật, tổng cộng số tiền thật bị cáo có được khi lưu hành tiền giả là 856.000 đồng. Ngoài ra, khi bị bắt quả tang, bị cáo còn bị thu giữ 03 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có cùng số sê ri GF42613374, số tiền này bị cáo chưa kịp tiêu thụ thì bị bắt. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận giám định số 478/GĐ-PC54 ngày 25/12/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận:

- Bảy mươi sáu (76) tờ tiền cotton và polymer Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 1000^d, 2000^d, 5000^d, 10000^d, 20000^d, 50000^d, 100000^d và 200000^d trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A76) là tiền thật.

- Năm (05) tờ tiền polymer Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 200000^d, cùng số sê ri: GF 42613374 (ký hiệu từ A77 đến A81) là tiền giả.

Do đó, hành vi của bị cáo Trương C đã phạm tội: “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 1 Điều 180 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quản lý kinh tế mà cụ thể là những quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tiền tệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết hành vi lưu hành tiền giả là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy, ngày 14/5/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 3 năm tù về tội: “Lưu hành tiền giả” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2012/HSST, nay tiếp tục phạm tội: “Lưu hành tiền giả”, điều này cho thấy với hình phạt nêu trên chưa đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo An, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt với mức án tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định, mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên – Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; xét mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hành vi của đối tượng tên C về việc cung cấp tiền giả cho bị cáo A, hành vi của đối tượng tên Trần C về việc sử dụng số chứng minh nhân dân 025277869 do chị Lê T đứng tên, khi nộp tiền tại Ngân hàng Cổ phần Thương

mại Sài Gòn Thương tín Chi nhánh tỉnh Bình Dương, trong số tiền đã nộp có 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có số sê ri GF42613374, do không xác định rõ được họ tên, địa chỉ cụ thể của đối tượng tên C và địa chỉ cụ thể của đối tượng tên Trần C, nên Cơ quan Điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với hành vi của chị Nguyễn T, chị Lê M, ông Nguyễn H khi thực hiện giao dịch nộp tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bình Dương, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Khu công nghiệp Sóng Thần, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Dương, trong số tiền nộp có tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng có số sê ri GF42613374; khi thực hiện giao dịch nộp tiền, chị T, chị M, ông H không biết tờ tiền nêu trên là tiền giả, do đó Cơ quan Điều tra không xử lý là có căn cứ.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Xét tài sản bị thu giữ, chưa được xử lý :

+ Đối với số tiền 2.439.000 đồng thu giữ của bị cáo A: Trong số tiền này có 501.000 đồng của 03 người bán hàng cho bị cáo A không rõ họ tên, địa chỉ, 175.000 đồng của ông Nguyễn X, 180.000 đồng của ông Nguyễn V, 1.583.000 đồng của bị cáo A. Xét thấy, số tiền 501.000 đồng là tài sản thuộc sở hữu của 03 người bán hàng cho bị cáo, do không biết họ tên, địa chỉ và đây là số tiền bị cáo có được từ hành vi lưu hành tiền giả nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; số tiền 175.000 đồng, 180.000 đồng là tài sản thuộc sở hữu của ông X, ông V và tại Đơn yêu cầu về trách nhiệm dân sự đề ngày 25/4/2018, ông X, ông V yêu cầu bị cáo trả trị giá 01 bịch phở là 20.000 đồng, cân thịt heo là 25.000 đồng, tổng cộng ông X, ông V yêu cầu bị cáo trả cho mỗi người là 200.000 đồng, bị cáo đồng ý, nên cần trả lại cho ông X, ông V mỗi người 200.000 đồng, số tiền này được trừ trong tổng số tiền 2.439.000 đồng; số tiền còn lại 1.538.000 đồng là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo, số tiền này bị cáo không dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 01 xe mô tô biển số 61B1 – 092.23, nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh 97, số loại Wave Alpha, màu sơn: Đen bạc, số khung RLHHC120XBY139327, số máy: HC12E – 2939444: Xe mô tô này do ông Vũ X đứng tên Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy, ông X ủy quyền cho ông Hứa B quản lý, sử dụng, thế chấp, cho thuê, trao đổi, tặng cho theo Hợp đồng ủy quyền có số công chứng 11896, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD. Ông Hứa B đã bán lại cho chị Trần C theo Hợp đồng mua bán xe đề ngày 19/9/2017, số công chứng 12304, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD. Tại phiên tòa, bị cáo, chị C đều xác định nguồn tiền mua xe là nguồn tiền chung của bị cáo, chị Chiên; do đó, xe mô tô này là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo và chị Trần C. Khi bị cáo dùng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, chị C không

biết. Do đó, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 3.333.500 đồng. Ghi nhận chị Trần C tự nguyện nộp 3.333.500 đồng – trị giá $\frac{1}{2}$ mô tô biển số 61B1 – 092.23, là phần tài sản của bị cáo Trương A. Chị Trần C được nhận lại xe mô tô biển số 61B1 – 092.23.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số sim 01229104653; 01 balo màu đen hiệu The North Face là tài sản hợp pháp của bị cáo, tài sản này bị cáo không dùng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 01 cái bóp da màu nâu có chữ Audi (đã cũ); 01 con dao; 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có cùng số sê ri GF42613374: Số tiền này là tiền giả, còn cái bóp bị cáo dùng để đựng số tiền giả, con dao bị cáo có được từ hành vi phạm tội, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 chứng minh nhân dân số 151461415 do Công an tỉnh Thái Bình cấp cho bị cáo ngày 19/6/2000, đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- Xét tài sản thu giữ, đã được xử lý: 02 cục thịt heo; 03 con cá biển và 01 bạch cá, 01 bạch phở, 01 bó rau cải, 01 trái thơm thu giữ của bị cáo trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra đã tiến hành tiêu hủy; 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có cùng số sê ri GF42613374 thu giữ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bình Dương, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Trương A phạm tội: “Lưu hành tiền giả”.

Xử phạt bị cáo Trương A: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 18/12/2017.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Trương A có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn X 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, trả cho ông Nguyễn V 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, tổng cộng là 400.000 đồng; số tiền này được trừ trong số tiền 2.439.000 đồng thu giữ của bị cáo Trương A.

- Trả cho bị cáo Trương A: 01 chứng minh nhân dân số 151461415 do Công an tỉnh Thái Bình cấp cho Trương A ngày 19/6/2000; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số sim 01229104653; 01 balo màu đen hiệu The North Face; số tiền 1.538.000 (một triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn) đồng, nhưng tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:

+ Số tiền 501.000 (năm trăm lẻ một nghìn) đồng;

+ $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô biển số 61B1 – 092.23, nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh 97, số loại Wave Alpha, màu sơn: Đen bạc, số khung RLHHC120XBY139327, Số máy: HC12E – 2939444 là 3.333.500 đồng. Ghi nhận chị Trần C tự nguyện nộp 3.333.500 đồng –trị giá $\frac{1}{2}$ mô tô biển số 61B1 – 092.23, là phần tài sản của bị cáo Trương A Chị Trần C được nhận lại xe mô tô biển số 61B1 – 092.23, nhãn hiệu Honda, loại xe hai bánh từ 50 – 175cm³, dung tích xi lanh 97, số loại Wave Alpha, màu sơn: Đen bạc, số khung RLHHC120XBY139327, số máy: HC12E – 2939444.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 cái bóp da màu nâu có chữ Audi (đã cũ); 01 con dao; 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có cùng số sê ri GF42613374.

- Đối với 02 cục thịt heo; 03 con cá biển và 01 bạch cá, 01 bạch phở, 01 bó rau cải, 01 trái thơm thu giữ của bị cáo; 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có cùng số sê ri GF42613374 thu giữ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bình Dương; trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra đã tiến hành tiêu hủy và trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bình Dương, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/3/2018; Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 21/3/2018).

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trương A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trương A, chị Trần C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại ông Nguyễn V, Nguyễn X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa B, ông Vũ X có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- CQĐT CA thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Hằng